



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 09 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1575

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 22/09/2026 đến ngày 28/09/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

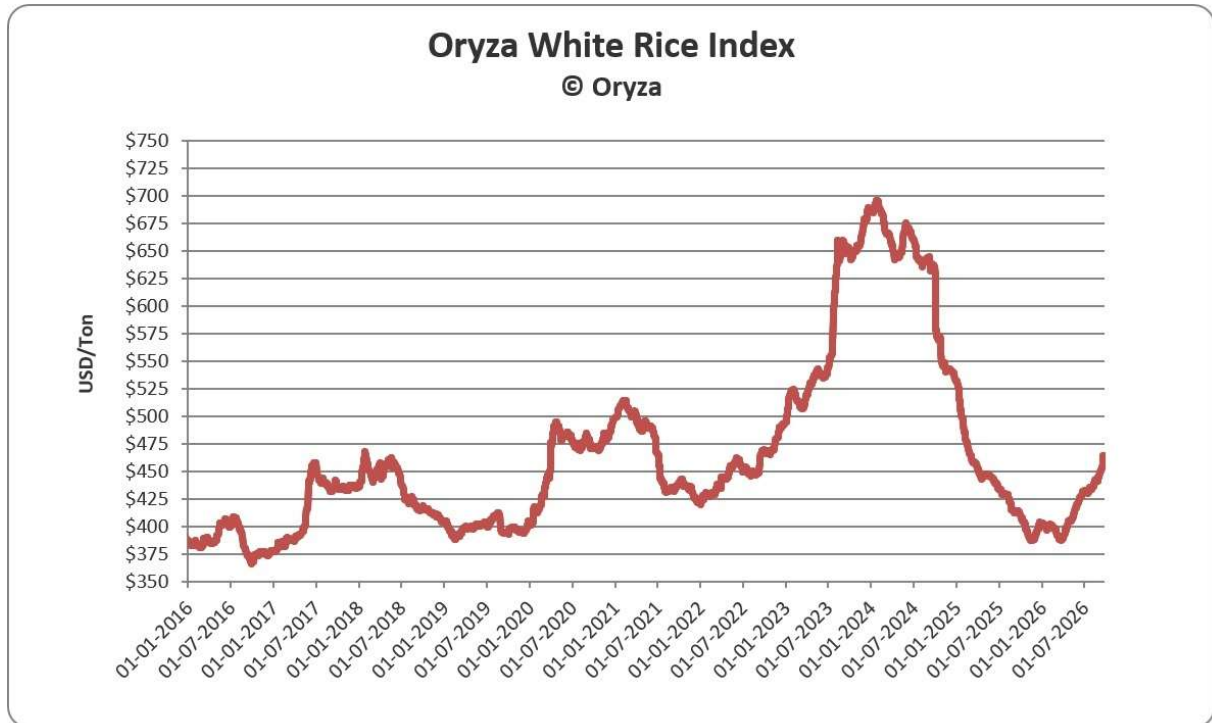
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

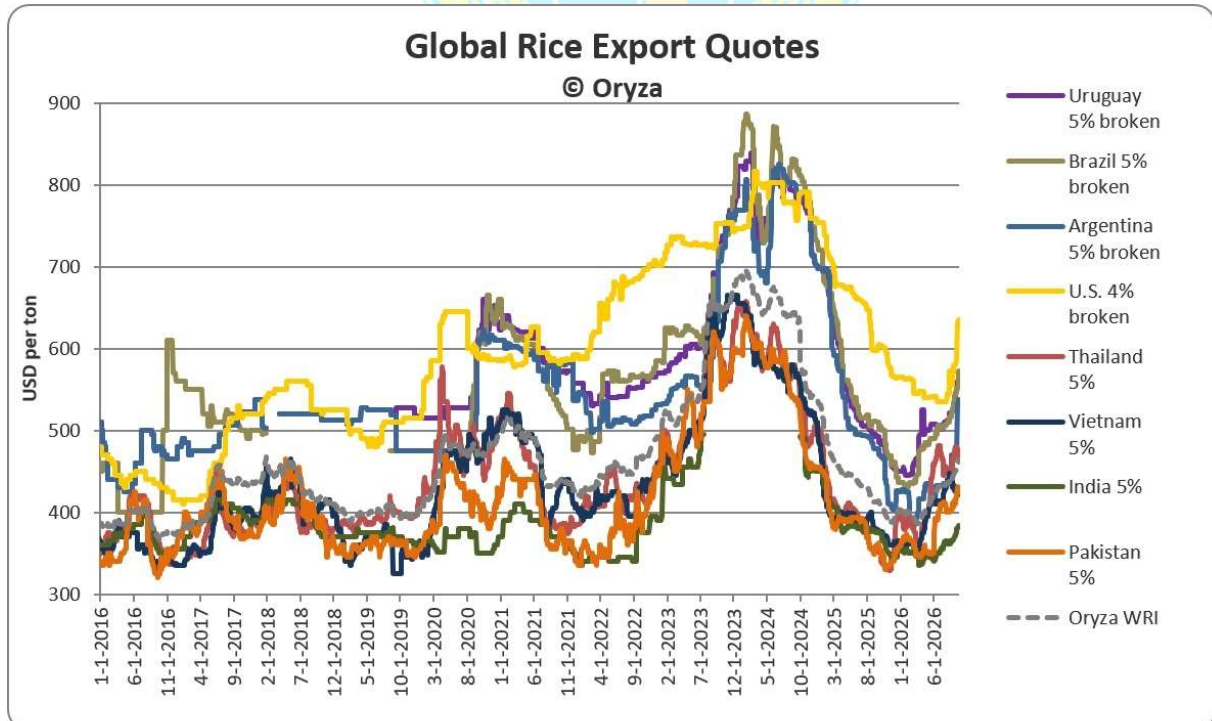
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	22 – 09		23 – 09		24 – 09		25 – 09	
		min	max	min	max	Min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	485	489	480	484	475	479	474	478
	5% tấm	475	479	470	474	466	470	465	469
	25% tấm	432	436	432	436	431	435	430	434
	Hom Mali 92%	1126	1130	1136	1140	1148	1152	1147	1151
	Gạo đỏ 100% Stxd	486	490	486	490	484	488	481	485
	A1 Super	381	385	382	386	381	385	381	385
VIỆT NAM	5% tấm	422	426	422	426	420	424	420	424
	25% tấm	403	407	403	407	403	407	403	407
	Gạo thơm 5% tấm	440	440	440	440	440	445	440	445
	Jasmine	521	525	519	523	514	518	514	518
	100% tấm	368	372	373	377	372	376	372	376
ẤN ĐỘ	5% tấm	380	384	381	385	382	386	382	386
	25% tấm	368	372	368	372	369	373	369	373
	Gạo đỏ 5% Stxd	378	382	376	380	378	382	378	382
	100% tấm Stxd	307	311	307	311	322	326	322	326
PAKISTAN	5% tấm	428	432	425	429	422	426	422	426
	25% tấm	397	401	399	403	398	402	398	402
	100% tấm Stxd	324	328	322	326	322	326	322	326
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	463	467	463	467	457	461	457	461
MỸ	4% tấm	633	637	633	637	633	637	633	637
	15% tấm (Sacked)	628	632	628	632	628	632	628	632
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	888	892	888	892	888	892	888	892

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



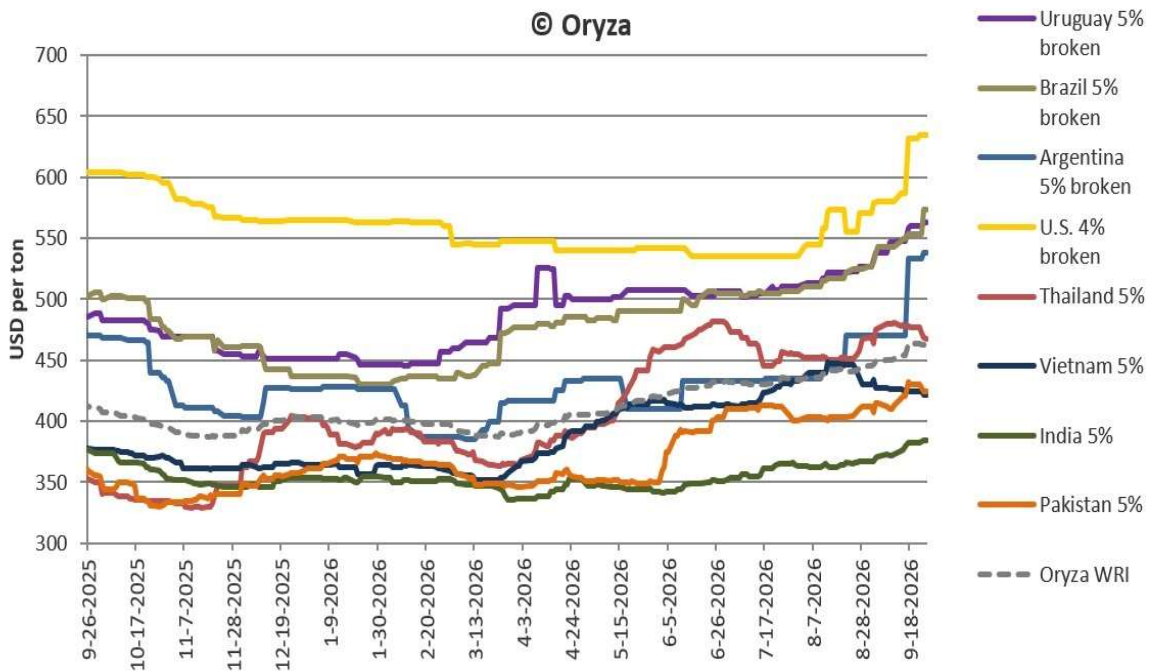
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 462 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước và tăng 21 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 49 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

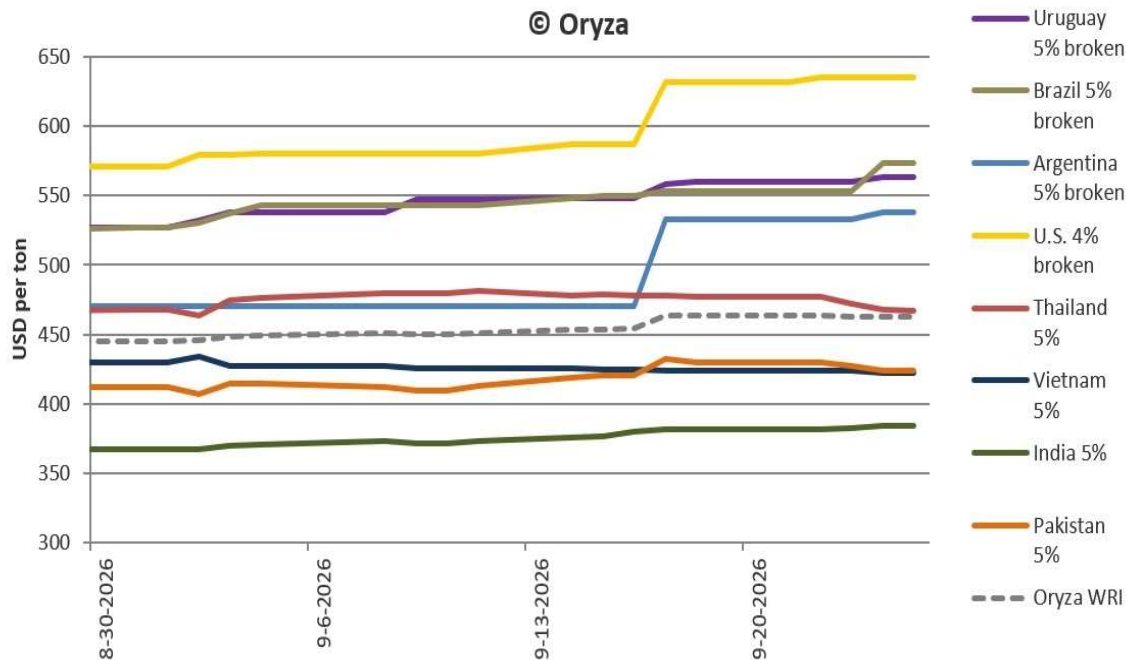
© Oryza

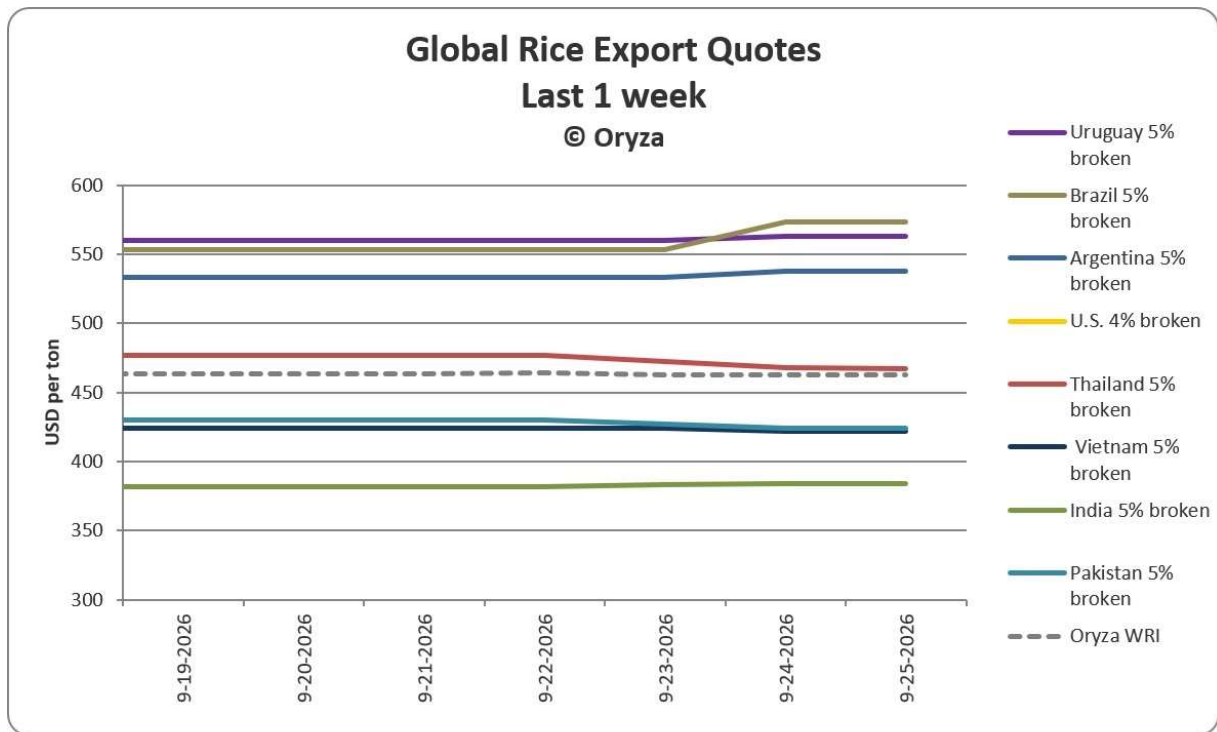


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





Báo cáo Thị trường Ngũ cốc tháng 9/2026 của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) cho thấy thị trường gạo toàn cầu trong niên vụ 2026/27 có xu hướng thắt chặt hơn, với sản lượng được dự báo đạt 536 triệu tấn, giảm so với mức 547 triệu tấn của niên vụ 2025/26 và thấp hơn 5 triệu tấn so với ước tính tháng 8, chủ yếu do triển vọng vụ kharif của Ấn Độ suy yếu. Trong khi đó, tiêu thụ gạo toàn cầu được dự báo vẫn ở mức cao hơn, đạt 541 triệu tấn, đồng nghĩa với việc nhu cầu sẽ vượt sản lượng và lượng tồn kho chuyển sang niên vụ sau trên toàn cầu dự kiến giảm xuống khoảng 195 triệu tấn, so với 200 triệu tấn. Thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt mức kỷ lục 61,7 triệu tấn vào năm 2027, được hỗ trợ bởi nhu cầu gia tăng từ khu vực châu Phi cận Sahara. Trong khi đó, giá gạo đã tăng, với chỉ số giá gạo của IGC tăng 3% trong tháng và cao hơn 15% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh nguồn cung thắt chặt hơn và giá xuất khẩu cao hơn tại các quốc gia sản xuất lớn.

Hiện tượng El Niño đang mạnh lên làm gia tăng lo ngại về hạn hán, nắng nóng và thời tiết cực đoan trên khắp châu Á, với những tác động tiềm tàng đối với nguồn cung lương thực và giá hàng hóa trên toàn thế giới. Dự báo đạt đỉnh vào tháng 12, hiện tượng này có thể làm trầm trọng thêm những áp lực hiện hữu từ chi phí năng lượng và phân bón cao, trong đó Ấn Độ, Việt Nam và Thái Lan – những nước xuất khẩu gạo lớn, đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi lượng mưa suy giảm và sản lượng cây trồng giảm. Indonesia và Malaysia, hai quốc gia chiếm phần lớn nguồn cung dầu cọ toàn cầu, cũng có thể đối mặt với những thách thức về sản xuất, trong khi tình trạng thiếu nước đã và đang ảnh hưởng

đến hoạt động thủy sản và nông nghiệp trên khắp Đông Nam Á. Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) ước tính El Niño có thể khiến thêm hàng triệu người rơi vào tình trạng mất an ninh lương thực cấp tính, trong khi Goldman Sachs dự báo giá hàng hóa lương thực toàn cầu có thể tăng hơn 15%, cho thấy những rủi ro kinh tế rộng lớn hơn từ một hiện tượng thời tiết nghiêm trọng.

Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (IRRI) và Đại học Nottingham đang hợp tác phát triển các giống lúa chịu nhiệt có khả năng duy trì năng suất khi nhiệt độ tăng do biến đổi khí hậu. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu cách cây lúa phản ứng với sốc nhiệt và xác định các đặc điểm di truyền và sinh lý liên quan đến khả năng sinh sản, hình thành hạt, quang hợp, sử dụng nước và năng suất tốt hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Điều này đặc biệt quan trọng vì nhiệt độ cao vào giai đoạn trổ hoa có thể làm giảm đáng kể năng suất lúa. Nghiên cứu này kế thừa các chương trình lai tạo giống rộng hơn của IRRI nhằm phát triển các giống lúa có khả năng chống chịu các điều kiện bất lợi như nắng nóng, hạn hán, ngập lụt và nhiễm mặn, sử dụng nguồn đa dạng di truyền từ các giống lúa canh tác và các loài lúa hoang dại.

Thị trường máy xát trắng gạo toàn cầu được dự báo tăng từ 0,63 tỷ USD năm 2025 lên 0,69 tỷ USD năm 2026, và đạt khoảng 0,97 tỷ USD vào năm 2030, nhờ mức tiêu thụ gạo gia tăng, quá trình cơ giới hóa xay xát gạo ngày càng cao, nhu cầu đối với gạo trắng được đánh bóng có chất lượng cao hơn và các khoản đầu tư vào các cơ sở chế biến hiện đại. Việc ứng dụng ngày càng phổ biến các công nghệ xay xát tự động và thông minh cũng đang hỗ trợ thị trường, khi các nhà sản xuất tập trung nâng cao tỷ lệ thu hồi gạo nguyên, giảm tỷ lệ gãy hạt, duy trì độ trắng đồng đều và cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng. Việc sử dụng ngày càng nhiều cám gạo cho các sản phẩm như thức ăn chăn nuôi và dầu cám gạo cũng góp phần gia tăng giá trị cho quá trình xay xát. Khu vực châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục là thị trường lớn nhất trong năm 2025 và được dự báo là khu vực tăng trưởng nhanh nhất, phản ánh vai trò quan trọng của khu vực này trong sản xuất và tiêu thụ gạo toàn cầu, cùng với việc tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng xay xát hiện đại.

Philippines

Nông dân trồng lúa trên khắp đảo Negros, Philippines, được khuyến cáo thường xuyên theo dõi đồng ruộng để phát hiện nguy cơ sâu bệnh và dịch hại, do những thay đổi về lượng mưa và nhiệt độ có thể tạo ra môi trường thuận lợi cho dịch bệnh bùng phát. Sở Nông nghiệp – Vùng Đảo Negros (DA-NIR) khuyến cáo nông dân thường xuyên kiểm tra cây trồng, nhận diện sớm các dấu hiệu của sâu bệnh và chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa thay vì chờ đến khi vấn đề lan rộng. Nông dân cũng được khuyến khích phối hợp với

cán bộ kỹ thuật nông nghiệp khi phát hiện các triệu chứng bất thường hoặc số lượng sâu bệnh gia tăng. Mặc dù hiện chưa ghi nhận thiệt hại về sản xuất, các đợt bùng phát trên diện rộng có thể đe dọa năng suất lúa và ảnh hưởng đến nguồn cung trong nước, do đó việc tiếp tục giám sát đồng ruộng có ý nghĩa quan trọng đối với khu vực này.

Cựu Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines Leonardo “Leonie” Montemayor kêu gọi xem xét lại chính sách nhập khẩu gạo của nước này trong bối cảnh những quan ngại đang tiếp diễn đối với thị trường gạo trong nước. Ông cho rằng các nhà hoạch định chính sách cần đánh giá lại liệu hệ thống hiện tại có đạt được sự cân bằng phù hợp giữa việc duy trì giá gạo ở mức phải chăng cho người tiêu dùng, hỗ trợ thu nhập của nông dân và bảo vệ sản xuất trong nước hay không. Trong khi nhập khẩu giúp duy trì nguồn cung và kiểm soát giá cả, việc tiếp tục phụ thuộc vào gạo nhập khẩu có thể gây áp lực lên nông dân trong nước và giá lúa tại nông hộ. Do đó, bất kỳ thay đổi nào đối với chính sách này đều có thể ảnh hưởng đến giá gạo trong nước, thu nhập của nông dân, nhu cầu nhập khẩu và các nước xuất khẩu trong khu vực như Việt Nam và Thái Lan.

Theo The Tribune, nông dân trồng lúa tại Mindoro, một khu vực sản xuất lúa gạo lớn của Philippines, đang đối mặt với rủi ro sản xuất gia tăng khi hiện tượng El Niño được dự báo sẽ mạnh lên vào cuối năm 2026 và kéo dài sang đầu năm 2027. Tình trạng thiếu nước có thể ảnh hưởng đến năng suất, đặc biệt do Mindoro Oriental và Mindoro Occidental phụ thuộc nhiều vào hệ thống tưới tiêu. Sản lượng lúa palay trong nửa đầu năm 2026 tại Mindoro Oriental giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi Mindoro Occidental ghi nhận mức tăng 6,2%, mặc dù năng suất bình quân giảm 16,7%. Bộ Nông nghiệp Philippines ước tính một đợt El Niño mạnh có thể làm sản lượng gạo quốc gia giảm tới 700.000 tấn, tương đương khoảng 3,5% mục tiêu sản xuất hàng năm.

Nhật Bản

Nhật Bản dự kiến nhập khẩu khoảng 1.240 tấn gạo thông qua phiên đấu thầu Mua và Bán Đồng thời (SBS) theo CPTPP vào ngày 29/9/2026, theo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF). Phiên đấu thầu sẽ được tổ chức từ 11 giờ đến 12 giờ theo giờ Nhật Bản và là phiên đấu thầu SBS theo CPTPP thứ ba trong niên khóa 2026/27 (tháng 4/2026 – tháng 3/2027). CPTPP là một hiệp định thương mại có sự tham gia của 11 quốc gia, trong đó có Nhật Bản, Australia, Canada, Việt Nam, Malaysia, Mexico và Singapore.

Riêng trong ngày 18/9/2026, Nhật Bản đã mua 53.000 tấn gạo thông qua phiên đấu thầu quốc tế, trong đó có 39.000 tấn gạo hạt trung bình từ Mỹ và 14.000 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan. Giá nhập khẩu bình quân là 139.804 yên

(889 USD)/tấn trước thuế và 150.988 yên (960 USD)/tấn bao gồm thuế, đánh dấu phiên đấu thầu nhập khẩu gạo thông thường thứ năm của Nhật Bản trong niên khóa 2026/27.

Nhật Bản đã bắt đầu thực hiện đợt mua lại gạo dự trữ của Chính phủ đầu tiên kể từ khi hệ thống dự trữ hiện hành được đưa vào áp dụng năm 2011, với việc mua 210.000 tấn gạo từ vụ năm 2025 nhằm bổ sung lượng dự trữ đã bị suy giảm mạnh sau khi khoảng 590.000 tấn được đưa ra thị trường trong đợt thiếu hụt nguồn cung năm 2025. Chính phủ đã ký hợp đồng với 8 nhà cung cấp cho toàn bộ số lượng này và cũng đã cam kết mua thêm 210.000 tấn từ vụ năm 2026. Mặc dù việc mua lại có thể hỗ trợ một phần cho giá gạo trong nước thông qua việc đưa gạo ra khỏi thị trường, Nhật Bản cho biết mục tiêu chính là bảo đảm an ninh lương thực và xây dựng lại lượng dự trữ chiến lược, chứ không trực tiếp tác động đến giá. Động thái này diễn ra trong bối cảnh điều kiện nguồn cung gạo đang được cải thiện, với lượng tồn kho của khu vực tư nhân đạt mức cao nhất có thể so sánh kể từ năm 2004 và sản lượng vụ năm 2026 được dự báo cao hơn mức trung bình của những năm gần đây.

Trong khi đó, Nhật Bản đang đẩy mạnh sử dụng các giống lúa chịu nhiệt do mùa hè nóng hơn ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng hạt. Năm 2025, các giống chịu nhiệt được trồng trên khoảng 248.000 ha, tương đương 18% diện tích lúa cả nước, tăng mạnh so với 42.000 ha năm trước. Tại Saga, tỷ lệ này đã lên gần 67% diện tích trồng lúa.

Động thái trên diễn ra trong bối cảnh nguồn cung gạo Nhật Bản đang cải thiện, tồn kho tư nhân tăng cao và giá bán lẻ bắt đầu giảm. Bộ trưởng Nông nghiệp Kazuo Yana cho biết Chính phủ sẽ tiếp tục đánh giá sản lượng vụ 2026 và cung – cầu trước khi quyết định thời điểm mua bổ sung gạo dự trữ, đồng thời chú trọng bảo đảm mức giá phù hợp để duy trì thu nhập và khả năng tái đầu tư của nông dân.

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF), Nhật Bản đã mua và bán tổng cộng 20.668 tấn gạo trong phiên đấu thầu SBS (Mua và Bán Đồng thời) đầu tiên của niên khóa 2026/27 (tháng 4/2026 – tháng 3/2027), được tổ chức ngày 25/9/2026. Lượng gạo nhập khẩu bao gồm 18.168 tấn gạo nguyên hạt và 2.500 tấn gạo tằm. Nhật Bản dự kiến nhập khẩu khoảng 25.000 tấn gạo thông qua phiên đấu thầu này.

Triều Tiên

Triều Tiên đã kêu gọi nông dân và người dân hoàn thành thu hoạch lúa đúng thời hạn, cho rằng một vụ thu hoạch mùa thu thành công là yếu tố thiết yếu để đạt được các mục tiêu của kế hoạch kinh tế 5 năm. Truyền thông nhà nước cho biết sản lượng nông nghiệp cao có thể củng cố niềm tin của người

dân và hỗ trợ phục hồi kinh tế, đồng thời nhấn mạnh vụ mùa năm nay được cải thiện và việc sử dụng cơ giới hóa gia tăng. Động thái này phản ánh kế hoạch kinh tế năm 2026 của nhà lãnh đạo Kim Jong-un, trong đó ưu tiên cơ giới hóa nông nghiệp nhằm nâng cao sản lượng cây trồng.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 563 USD/tấn, tăng khoảng 3 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 40 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 77 USD/tấn so với một năm trước.

Argentina, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 538 USD/tấn, tăng khoảng 5 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 68 USD/tấn so với một tháng trước và một năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 573 USD/tấn, tăng khoảng 20 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 48 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 70 USD/tấn so với một năm trước

Thị trường gạo Brazil có dấu hiệu **phục hồi**, khi nhu cầu xuất khẩu tăng giúp giá gạo cải thiện, đặc biệt tại Rio Grande do Sul và Tocantins. Giá tăng đang hỗ trợ tâm lý thị trường và khuyến khích nông dân xuống giống. Đến 18/9, **tiến độ gieo trồng đạt 9,9%**, cao hơn đáng kể so với 3,8% cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, dự báo **El Niño mạnh trong quý IV/2026** có thể gây mưa lớn tại miền Nam nhưng khô hạn và nhiệt độ cao tại miền Bắc, làm gia tăng rủi ro đối với vụ ngũ cốc 2026/27.

Paraguay, đang thúc đẩy Venezuela tái gia nhập Mercosur nhằm tăng cường hội nhập kinh tế khu vực. Tuy nhiên, Venezuela cần đáp ứng các yêu cầu về thể chế, thương mại và thuế quan của khối. Quá trình chuyển tiếp chính trị tại Venezuela vẫn còn nhiều bất định, trong đó có vấn đề tổ chức bầu cử và tái cơ cấu khoản nợ lớn.

Panama, sản lượng lúa thóc năm 2026 dự báo đạt 365.000 tấn, tăng 4,3% so với năm 2025 nhưng vẫn dưới mức trung bình 5 năm. Hạn hán, chi phí đầu vào và ảnh hưởng của El Niño tiếp tục gây khó khăn cho sản xuất. Chính phủ đã cho phép nhập khẩu bổ sung 35.653 tấn gạo với thuế suất 0% để bù đắp thiếu hụt nguồn cung trong nước. Giá gạo bán buôn tháng 8/2026 nhìn chung ổn định ở mức 1.300–1.320 USD/tấn.

Hoa Kỳ

Gạo tấm 4% hiện được chào giá khoảng 635 USD/tấn, tăng khoảng 3 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 80 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 31 USD/tấn so với một năm trước.

Mỹ đang xem xét hạn chế xuất khẩu diesel trong bối cảnh giá diesel trong nước tăng mạnh, lên mức kỷ lục 6,53 USD/gallon trong tháng 9. Tồn kho nhiên

liệu chưng cất thấp hơn khoảng 13% so với mức trung bình 5 năm, trong khi nhu cầu quốc tế tăng do hoạt động lọc dầu tại Nga, Trung Quốc và Trung Đông suy giảm. Nếu áp dụng hạn chế xuất khẩu, nguồn diesel tại các thị trường phụ thuộc vào Mỹ có thể bị thắt chặt.

Trong niên vụ thương mại 2026/27, doanh số bán gạo ròng xuất khẩu của Mỹ đạt tổng cộng 38.800 tấn trong tuần kết thúc ngày 13/8, trong đó dẫn đầu là doanh số bán sang Hàn Quốc (36.100 tấn) và Nhật Bản (13.000 tấn), cùng với các giao dịch bổ sung sang Canada, Mexico và Đài Loan. Trong khi đó, các nhà xuất khẩu gạo Mỹ đã giao 54.100 tấn, với Colombia (26.000 tấn) và Nhật Bản (24.000 tấn) là những điểm đến lớn nhất, tiếp theo là Mexico, Honduras và Canada.

Châu Phi

Nigeria: Sản lượng gạo năm 2025 tăng 2,7%, lên mức ước tính 9,37 triệu tấn lúa thóc, nhưng triển vọng vụ ngũ cốc năm 2026 vẫn chưa chắc chắn do các đợt khô hạn, xung đột, chi phí đầu vào cao và giá phân bón, nhiên liệu tăng. Lạm phát lương thực cũng tăng mạnh, lên 20,3% vào tháng 7/2026 từ mức 8,9% trong tháng 1, trong khi tình trạng mất an ninh lương thực trở nên nghiêm trọng hơn, với ước tính 36,3 triệu người phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực ở mức khủng hoảng hoặc nghiêm trọng hơn trong mùa giáp hạt từ tháng 6–8/2026. Xung đột và tình trạng di dời tiếp tục là những mối quan ngại lớn, đặc biệt tại bang Borno, nơi các hạn chế về đi lại và tiếp cận đất canh tác, thị trường đang gây gián đoạn hoạt động nông nghiệp và hỗ trợ nhân đạo.

Rwanda: sản xuất nông nghiệp tăng trưởng trong Vụ mùa B năm 2026, với sản lượng lúa tăng 10,1% và sản lượng khoai tây Ireland tăng 5,7% so với năm trước. Vụ mùa B, kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6, là một trong hai vụ sản xuất chính của Rwanda và đặc biệt quan trọng đối với các loại cây trồng như lúa. Trong Vụ mùa B năm 2025, Rwanda sản xuất 72.976 tấn lúa thóc, với năng suất bình quân cả nước đạt 4,1 tấn/ha.

Madagascar, Báo cáo Hệ thống Thông tin và Cảnh báo sớm Toàn cầu về Lương thực và Nông nghiệp (GIEWS) mới nhất của FAO cho biết sản lượng lúa thóc năm 2026 được dự kiến sẽ phục hồi so với mức thấp của năm 2025, chủ yếu nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi hơn và diện tích thu hoạch gần mức trung bình tại các khu vực sản xuất lúa ở miền Bắc và miền Trung, mặc dù sản lượng vẫn có khả năng thấp hơn mức trung bình 5 năm. Mưa đến muộn tại phía Đông và phía Tây, lượng mưa thấp tại phía Nam và thiệt hại cục bộ do các xoáy thuận Fytia và Gezani đã làm giảm năng suất, nhưng tác động tổng thể đến sản lượng quốc gia là hạn chế. Trong thời gian tới, El Niño là một rủi ro bất lợi đối với vụ lúa năm 2027, với khả năng lượng mưa thấp hơn mức trung

bình trong thời kỳ gieo trồng, mặc dù các đợt El Niño trước đây có tác động hạn chế đến sản xuất lúa của Madagascar. Trong khi đó, giá gạo đã giảm đáng kể trong năm 2026, với giá các giống gạo địa phương giảm tới 25% và gạo nhập khẩu giảm dưới 10%, nhờ nguồn cung trong nước được cải thiện, giá chuẩn toàn cầu thấp hơn và đồng nội tệ tăng giá. Mặc dù khả năng cung ứng gạo được cải thiện và giá giảm, tình trạng mất an ninh lương thực vẫn nghiêm trọng, với khoảng 2,12 triệu người dự kiến phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực ở mức Khủng hoảng hoặc nghiêm trọng hơn trong giai đoạn tháng 6–9/2026, tăng lên khoảng 3,72 triệu người trong giai đoạn tháng 10/2026 đến tháng 2/2027.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 384 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 18 USD/tấn so với tháng trước và tăng 7 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo trắng tuần qua nhìn chung ít biến động, giá gạo tằm duy trì ở mức cao do nguồn cung còn hạn chế. Thương nhân xuất khẩu kỳ vọng nguồn cung được cải thiện khi vụ mới dự kiến bắt đầu thu hoạch vào tháng 11 tới.

Giá xuất khẩu gạo basmati kết thúc tuần giảm nhẹ do nhu cầu mua yếu, dù giá nội địa vẫn ổn định ở mức cao.

Chính phủ đã công bố kế hoạch thu mua lúa giai đoạn 1/11–31/1. Một số thương nhân cho rằng thời điểm hiện tại là phù hợp để thúc đẩy giao dịch xuất khẩu và hoàn tất các hợp đồng giao hàng kỳ hạn, trước khi nguồn cung thương mại được dự báo khan hiếm khi hoạt động thu mua của Chính phủ bắt đầu.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 467 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 14 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 113 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo trắng và gạo đỏ tuần qua tiếp tục xu hướng giảm do nhu cầu yếu, người mua kỳ vọng giá giảm thêm. Philippines tiếp tục là một trong những yếu tố ảnh hưởng thị trường sau khi nước này tạm dừng cấp giấy phép SPS mới.

Giá gạo Hom Mali tuần qua ghi nhận mức tăng do nguồn cung hạn chế.

Theo nguồn tin, nước này đang xem xét tăng 30% lượng gạo dự trữ chiến lược nhằm chủ động ứng phó với nguy cơ gián đoạn nguồn cung do hiện tượng El Nino. Nguồn cung gạo hiện ở mức đủ đáp ứng nhu cầu và chưa ghi nhận

tác động rõ rệt của El Nino. Tuy nhiên, nếu kế hoạch tăng dự trữ được triển khai ở quy mô lớn, dự báo nhu cầu thu mua trong nước tăng, qua đó làm giảm lượng gạo dành cho xuất khẩu.

Pakistan

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 424 USD/tấn, giảm 6 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 18 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 62 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường xuất khẩu gạo trắng tuần qua ghi nhận xu hướng giảm do nhu cầu mới yếu. Giá chào gạo tằm ổn định ở mức cao nhờ nhu cầu từ Trung Quốc và Tây Phi cải thiện, nguồn cung gạo nguyên liệu để hoàn thành hợp đồng giao hàng tháng 10-11 còn khan hiếm. Nguồn cung được dự kiến cải thiện vào giữa cuối tháng 11/2026.

Thị trường gạo basmati kết thúc tuần trầm lắng do nhu cầu quốc tế chậm.

Miền Điện

Thị trường gạo tuần qua ảm đạm do nhu cầu xuất khẩu yếu, nhu cầu từ Philippines giảm sau khi nước này tạm ngừng cấp giấy phép SPS mới. Thương nhân cho biết nhu cầu chủ yếu từ châu Âu và Trung Quốc, nhưng người mua kỳ vọng mức giá thấp hơn. Thị trường ghi nhận một số nhu cầu hỏi mua gạo tằm từ thương nhân Trung Quốc, giao hàng tháng 10/2026.

Vụ mới đã bắt đầu thu hoạch nhưng độ ẩm cao và nguồn cung gạo đạt chất lượng còn hạn chế.

FAO dự báo sản lượng lúa niên vụ 2026/27 đạt khoảng 30 triệu tấn, cao hơn mức trung bình nhờ mưa gió mùa thuận lợi. Tuy nhiên, ngập lụt cục bộ tại một số khu vực, các hạn chế do xung đột, chi phí đầu vào cao và khó khăn trong tiêu thụ có thể ảnh hưởng đến sản lượng.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	22 – 09	23 - 09	24 - 09	25 – 09	28 – 09
Trung Quốc (CNY/USD)	6,70	6,70	6,71	6,71	6,71
Châu Âu (EUR/USD)	0,87	0,87	0,88	0,88	0,88
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.877,83	17.823,77	17.874,81	17.991,49	17.902,33
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,08	4,07	4,08	4,09	4,07
Philippines Peso (PHP/USD)	62,75	62,49	62,74	62,84	62,84
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.374,96	1.359,50	1.367,33	1.369,82	1.369,82
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	157,49	157,55	158,31	158,93	158,93
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,80	95,61	95,80	96,02	96,02

Miền Điện (MMK/USD)	2.099,02	2.099,58	2.099,57	2.099,50	2.099,50
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,08	277,18	277,11	277,08	277,08
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,27	33,19	33,43	33,51	33,51
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.891,68	25.980,77	26.013,40	25.958,32	25.958,32

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 28/09/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,24 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,02 triệu ha với năng suất khoảng 61,92 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,315 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 575 ngàn ha/639 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 90%, đã bắt đầu thu hoạch được khoảng 63 ngàn ha, với năng suất ước 64,1 tạ/ha, sản lượng 404 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 – 28/09/2026 có 9 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 98.500 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32.000	Châu phi
2	CL Xiangtan	HCM	25/08/2026	50.000	Châu phi
3	Sea Dragon 9999	HCM	27/08/2026	4.900	Malaysia
4	North Star	Mỹ Tho	28/08/2026	1.500	Malaysia
5	Hương Anh 59	HCM	02/09/2026	2.850	Malaysia
6	Hương Anh 69	HCM	07/09/2026	2.750	Malaysia
7	Lucky Star 6	HCM	04/09/2026	7.300	Philippines
8	Quang Minh 18	HCM	03/09/2026	4.100	Malaysia
9	Tây Sơn 2	HCM	03/09/2026	10.500	Philippines
10	Viễn Đông 09	HCM	11/09/2026	6.000	Philippines
11	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu phi
12	Vinh Quang 379	HCM	23/09/2026	4.000	Philippines
13	MD Sea	HCM	26/09/2026	11.000	Philippines
Tổng				186.900	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	24/09	+/-	24/09	+/-	24/09	+/-	24/09	+/-	24/09	+/-	24/09	+/-	24/09	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-	5.900	-50	5.900	-50	5.950	-100	5.900	-	6.150	-	6.150	+100	6.150	6.014
Lúa thường	5.950	-100	5.800	-50	5.750	-75	5.800	-100	5.800	-25	5.950	-100	5.850	+100	5.950	5.843
<u>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-	7.250	-100	7.255	-80	7.250	-50	8.750	-			7.750	+200	8.750	7.634
Lúa thường	7.350	-	7.150	-50	6.835	-158	7.150	-50	8.200	-			7.050	+100	8.200	7.289
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.100	-50	9.050	-	9.050	-50	9.100	-75			9.350	-	9.350	9.067
Lứt loại 2	8.650	-	8.750	-150	8.725	-25	8.750	-50	8.750	-75	8.950	-	8.950	-	8.950	8.789
Xát trắng loại 1			10.150	-100			9.750	-100	10.525	-	10.525	-	10.050	-	10.525	10.200
Xát trắng loại 2			9.950	-200			9.775	+75	9.950	-	9.950	-200	9.650	-	9.950	9.855
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.550	-	8.600	-	8.650	+25	8.600	-25	8.700	-	8.700	-	8.650	+100	8.700	8.636
Tấm 2/3			8.450	-	8.675	+50			8.500	+50			8.250	+200	8.675	8.469
Tấm 3/4	8.350	-	8.400	-	8.525	-							8.250	-	8.525	8.381
Cám xát	7.350	-	7.450	-	7.400	-	7.475	+125	7.525	+75	7.525	+75	7.350	+100	7.525	7.439
Cám lau	7.350	-	7.350	-	7.400	-	7.550	+100	7.525	+75	7.550	+100	7.450	+100	7.550	7.454
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</u>																
5%	10.200	-	10.550	-50	10.000	-200	10.200	-150	10.450	-	10.550	-50	10.050	+100	10.550	10.286
10%			10.450	-50					10.700	-			9.950		10.700	10.367
15%	10.000	-	10.350	-50	9.800	-200	10.000	-150	10.500	-	10.500	-	9.750	+100	10.500	10.129
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	9.800	-	9.750	-50	9.600	-150	9.800	-150	9.900	-	9.900	-50	9.450	+100	9.900	9.743
